

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày: 27-9-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản,
tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 01/TB-TA ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần Sawad TCN;**

Địa chỉ: Phường T, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An);

Đại diện theo pháp luật: Ông **KANOKWATPAISAL N** – Giám đốc Công ty Cổ phần Sawad TCN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đặng Minh Đ**, sinh năm 1995 – Nhân viên Công ty Cổ phần Sawad TCN;

Địa chỉ: Khu phố A, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là Khu phố G, Phường K, tỉnh Vĩnh Long).

(Theo Giấy ủy quyền số 1995/2024/UQ-SVN ngày 01/10/2024)

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp H, xã H1, tỉnh Vĩnh Long).

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản lấy lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad TCN là ông Đặng Minh Đ trình bày:

Ngày 28/11/2024, ông Trần Văn C có ký Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (điều khoản chung) với Công ty Cổ phần Sawad TCN (ghi tắt là Công ty TCN) tại chi nhánh B – TP B 1, theo đó ông C cầm cố cho Công ty TCN 01 xe máy biển kiểm soát 71B3-772.33 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 006897, cấp ngày 22/11/2024 tại Công an tỉnh Bến Tre; giá trị xe là 11.271.276,60 đồng; số tiền cầm cố là 8.670.212,77 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng kể từ ngày 28/11/2024 đến ngày 28/11/2025; lãi suất trong hạn cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; vào ngày 28 hàng tháng ông C phải trả tiền định kỳ là 799.844,96 đồng từ tháng 12/2024 đến tháng 11/2025; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Sau khi ký Hợp đồng cầm cố trên, ngày 28/11/2024 Công ty TCN đã chuyển khoản cho ông C số tiền cầm cố là 8.670.212,77 đồng, Công ty TCN có lập Phiếu chi đề ngày 28/11/2024 xác nhận việc ông C có nhận số tiền cầm cố này, ông C có ký xác nhận vào Phiếu chi.

Theo Phụ lục Hợp đồng cầm cố trên thì các bên đồng ý rằng Công ty TCN có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố hoặc hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không phải hoàn trả các hoa lợi, lợi tức đó cho ông C khi hợp đồng chấm dứt. Do đó, sau khi ký Hợp đồng cầm cố trên, do có nhu cầu sử dụng lại xe nên ông C có ký với Công ty TCN Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/11/2024, theo đó ông C thuê lại xe mà ông C đã cầm cố cho Công ty TCN là xe máy biển kiểm soát 71B3-772.33 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 006897, cấp ngày 22/11/2024 tại Công an tỉnh Bến Tre; giá thuê là 468.191,49 đồng/tháng; thời hạn thuê là từ ngày 28/11/2024 đến ngày 28/11/2025; vào ngày 28 hàng tháng ông C phải trả số tiền thuê là 468.191,49 đồng cho Công ty TCN; nếu ông C thanh toán trước hạn (trước không quá 10 ngày), đúng hạn hoặc trễ hạn không quá 05 ngày (kể từ ngày phải thanh toán) thì chi phí thuê tài sản giảm còn 216.755,31925 đồng/tháng.

Sau khi ký các Hợp đồng trên, ngày 28/12/2024 là đến hạn thanh toán tiền cầm cố và tiền thuê xe hàng tháng cho Công ty TCN và cho đến nay, ông C vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Công ty TCN đã liên hệ nhiều lần đề yêu cầu ông C thanh toán nhưng ông C vẫn không thực hiện. Do đó, Công ty

TCN khởi kiện yêu cầu ông C trả cho Công ty TCN các khoản tiền sau: Tiền gốc cầm cố xe là 8.670.212,77 đồng; tiền lãi trong hạn cố định của việc cầm cố xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1,1%/tháng trên số tiền 8.670.212,77 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 476.862 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định của việc cầm cố xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,5%/tháng trên số tiền 8.670.212,77 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 216.755 đồng; tiền lãi quá hạn của việc cầm cố xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,55%/tháng trên số tiền 8.670.212,77 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 238.431 đồng; tiền thuê xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 468.191,49 đồng/tháng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 2.340.957 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C trả phí vi phạm nghĩa vụ là 639.617 đồng, Công ty TCN tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện này.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” với ông C. Ông cam đoan không khiếu nại gì về sau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long) đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông C đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn Công ty TCN và đại diện theo ủy quyền là ông Đ thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn ông C được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 309, 312, 315, 472, 473 và Điều 474 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN, buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TCN số tiền tính đến ngày xét xử: Tiền gốc cầm cố xe là 8.670.212,77 đồng, tiền lãi trong hạn của việc cầm cố xe với lãi suất là 1,1%/tháng với số tiền là 476.862 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định của việc cầm cố với lãi suất 0,5%/tháng số tiền là 216.755 đồng, tiền lãi quá hạn của việc cầm cố xe với lãi suất 0,55%/tháng là 238.431 đồng, tiền thuê xe với số tiền là 468.191,49 đồng/tháng với tổng số tiền là 2.340.957 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN về việc yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả cho Công ty TCN tiền trả phí vi phạm nghĩa vụ là 639.617 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Công ty Cổ phần Sawad TCN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long) giải quyết buộc ông Trần Văn C trả số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản đã ký. Ông C hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã T1, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và tranh chấp hợp đồng thuê tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long).

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad TCN là ông Đặng Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và ông C.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad TCN:

Theo Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (điều khoản chung) ngày 28/11/2024 do Công ty Cổ phần Sawad TCN (ghi tắt là Công ty TCN) cung cấp thì ông C cầm cố cho Công ty TCN tại chi nhánh B – TP B 1 01 xe máy biển kiểm soát 71B3-772.33 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 006897, cấp ngày 22/11/2024 tại Công an tỉnh Bến Tre; giá trị xe là 11.271.276,60 đồng; số tiền cầm cố là 8.670.212,77 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng kể từ ngày 28/11/2024 đến ngày 28/11/2025; lãi suất trong hạn cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; vào ngày 28 hàng tháng ông C phải trả tiền định kỳ là 799.844,96 đồng từ tháng 12/2024 đến tháng 11/2025; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Cuối Hợp đồng, mục “KHÁCH HÀNG” có chữ ký dưới dạng “C” và chữ viết

họ tên “Trần Văn C”. Theo Phiếu chi đề ngày 28/11/2024 do Công ty TCN cung cấp thì ông C có nhận của Công ty TCN số tiền là 8.670.212,77 đồng, lý do là cầm xe mượn lại xe biển số 71B3-772.33. Cuối Phiếu chi trên, mục “Người nhận tiền” có chữ ký dưới dạng “C” và chữ viết họ tên “Trần Văn C”.

Theo Thỏa thuận thuê tài sản tháng 11/2024 do Công ty TCN cung cấp thì ông C thuê của Công ty TCN tại chi nhánh V – TP B 1 01 xe máy biển kiểm soát 71B3-772.33 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 006897, cấp ngày 22/11/2024 tại Công an tỉnh Bến Tre; giá thuê là 468.191,49 đồng/tháng; thời hạn thuê là từ ngày 28/11/2024 đến ngày 28/11/2025; vào ngày 28 hàng tháng ông C phải trả số tiền thuê là 468.191,49 đồng cho Công ty; nếu ông C thanh toán trước hạn (trước không quá 10 ngày), đúng hạn hoặc trễ hạn không quá 05 ngày (kể từ ngày phải thanh toán) thì chi phí thuê tài sản giảm còn 216.755,31925 đồng/tháng. Cuối Thỏa thuận trên, mục “BÊN THUÊ” có chữ ký dưới dạng “C” và chữ viết họ tên “Trần Văn C”.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông C đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN. Như vậy, Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (điều khoản chung) ngày 28/11/2024, Thỏa thuận thuê tài sản tháng 11/2024 có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty TCN và ông C.

Theo Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (điều khoản chung) ngày 28/11/2024 thì số tiền cầm cố là 8.670.212,77 đồng, ông C có nhận số tiền này theo Phiếu chi ngày 28/11/2024, các bên thỏa thuận vào ngày 28 hàng tháng ông C phải trả tiền định kỳ là 799.844,96 đồng từ tháng 12/2024 đến tháng 11/2025; lãi suất trong hạn cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, ngày 28/12/2024 là ngày đến hạn thanh toán tiền cầm cố hàng tháng cho Công ty TCN và cho đến nay, ông C vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận. Do đó, việc Công ty TCN khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền cầm cố là 8.670.212,77 đồng, trả tiền lãi trong hạn cố định của việc cầm cố xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1,1%/tháng trên số tiền 8.670.212,77 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 476.862 đồng; trả phí quản lý hồ sơ cố định của việc cầm cố xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,5%/tháng trên số tiền 8.670.212,77 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 216.755 đồng và trả tiền lãi quá hạn của việc cầm cố xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,55%/tháng trên số tiền 8.670.212,77 đồng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 238.431 đồng là có căn cứ, có lợi cho ông C nên được chấp nhận.

Theo Phụ lục Hợp đồng cầm cố trên thì các bên đồng ý rằng Công ty TCN có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố hoặc

hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không phải hoàn trả các hoa lợi, lợi tức đó cho ông C khi hợp đồng chấm dứt. Điều 314 Bộ luật Dân sự quy định quyền của bên nhận cầm cố là “Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận”. Do đó, việc các bên ký Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/11/2024 là phù hợp quy định pháp luật. Theo Thỏa thuận này thì giá thuê là 468.191,49 đồng/tháng, vào ngày 28 hàng tháng ông C phải trả số tiền thuê là 468.191,49 đồng cho Công ty. Tuy nhiên, ngày 28/12/2024 là ngày đến hạn thanh toán tiền cầm cố hàng tháng cho Công ty TCN và cho đến nay, ông C vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận. Do đó, căn cứ Điều 481 Bộ luật Dân sự, việc Công ty TCN yêu cầu ông C trả tiền thuê xe tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 468.191,49 đồng/tháng nhưng chỉ yêu cầu trả số tiền là 2.340.957 đồng là có căn cứ, có lợi cho ông C nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TCN xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông C trả phí vi phạm nghĩa vụ là 639.617 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN, buộc ông C có nghĩa vụ trả cho Công ty TCN tổng cộng số tiền là 8.670.212,77 đồng + 476.862 đồng + 216.755 đồng + 238.431 đồng + 2.340.957 đồng = 11.943.217,77 đồng; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN về việc yêu cầu ông C trả phí vi phạm nghĩa vụ là 639.617 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TCN được chấp nhận, buộc ông C có nghĩa vụ trả cho Công ty TCN tổng cộng số tiền là 11.943.217,77 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.943.217,77 đồng x 5% = 597.000 đồng do ông C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 309, 310, 314, 315, 357, 468, 472, 473, 474, 481 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad TCN đối với bị đơn ông Trần Văn C:

Buộc ông Trần Văn C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sawad TCN số tiền tổng cộng là 11.943.217,77 đồng (mười một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm mười bảy phẩy bảy mươi bảy) đồng, trong đó:

- Theo Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (điều khoản chung) ngày 28/11/2024: Số tiền cầm cố là 8.670.212,77 (tám triệu sáu trăm bảy mươi nghìn hai trăm mười hai phẩy bảy mươi bảy) đồng, tiền lãi trong hạn là 476.862 (bốn trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng, phí quản lý hồ sơ là 216.755 (hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng, tiền lãi quá hạn là 238.431 (hai trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi một) đồng.

- Theo Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/11/2024: Số tiền thuê là 2.340.957 (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn chín trăm năm mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo Hợp đồng cầm cố theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad TCN về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn C trả phí vi phạm nghĩa vụ là 639.617 (sáu trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm mười bảy) đồng theo Hợp đồng cầm cố và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (điều khoản chung) ngày 28/11/2024.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 597.000 (năm trăm chín mươi bảy nghìn) đồng, buộc bị đơn ông Trần Văn C phải nộp.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad TCN được nhân lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 315.000 (ba trăm mười lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010795 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

5. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến